TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN.**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án: **15/2018/DS - ST.**
Ngày: 07/5/2018.
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Hà Tĩnh.

2. Bà Bùi Thị Luyến.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2017/TLST-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2017, về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST – DS, ngày 23/3/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn 3 – xã Đ – huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 2 - KP. T - TT. L – Huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong đơn khởi kiện ngày và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Vào ngày 03/7/2014, vợ chồng bà L, ông H có vay bà Nguyễn Thị T số tiền 15.000.000đ. Sau đó, bà L và ông H đã trả cho bà T được 5.000.000đ. Đến cuối năm 2014 ông H chết thì bà T và bà L có thỏa thuận viết lại giấy vay tiền, có nội

dung: Vào ngày 03/7/2014 bà L vay bà T số tiền 10.000.000đ; thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Bà L có ký nhận vào giấy mượn tiền này. Thế nhưng, từ đó cho đến nay, bà L chỉ trả cho bà T được 1.000.000đ tiền lãi. Mặc dù đến thời hạn trả tiền nợ gốc và bà T đã nhiều lần yêu cầu bà L trả số tiền 10.000.000đ; thế nhưng, cho đến nay bà L vẫn chưa trả cho bà T số tiền này. Cho nên, bà T khởi kiện yêu cầu bà L phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 10.000.000đ và tiền lãi theo mức quy định của Ngân hàng bắt đầu từ tháng 01/2015 cho đến nay (tháng 5/2018).

Ngoài ra bà T không còn trình bày hay yêu cầu gì thêm.

[2] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, bị đơn - Bà Lê Thị L trình bày:

Trước đây, vào thời điểm nào bà Nguyễn Thị L không xác định được thì vợ chồng bà L, ông H có vay bà Nguyễn Thị T số tiền 15.000.000đ. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Khi vay tiền, vợ chồng bà L có giao cho bà T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Thị C để làm tin. Sau khi vay tiền, vợ chồng bà L đã trả tiền lãi đầy đủ cho bà T và có trả cho bà T số tiền nợ gốc là 5.000.000đ. Số tiền gốc còn nợ bà T là 10.000.000đ thì bà T và bà L thỏa thuận trả tiền lãi là 4%/tháng. Bà L thừa nhận trong năm 2015, bà L không trả tiền lãi cho bà T. Đến năm 2016 bà L trả được tiền lãi là 6.000.000đ. Từ năm 2016 cho đến nay bà L chưa trả tiền lãi đối với số tiền 10.000.000đ cho bà T.

Bà L thừa nhận còn nợ bà T số tiền 10.000.000đ, nhưng bà L không đồng ý trả tiền lãi cho bà T. Bà L không yêu cầu giải quyết đối với số tiền lải mà trước đây bà L đã trả cho bà T.

Ngoài ra bà L không còn trình bày hay yêu cầu gì thêm.

[3] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, người làm chứng - Bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Khoảng vào năm 2015 - 2016, bà D có 03 lần đi cùng bà L đến nhà bà T. Khi đi, bà L chỉ cho biết là đi trả tiền lãi cho bà T chứ bà D không biết cụ thể việc vay tài sản giữa bà L và bà T là như thế nào. Khi đến nhà bà T thì bà Diệu cũng chỉ đứng ở ngoài và thấy bà L giao tiền cho bà T, nhưng bà D không biết số tiền cụ thể. Khi giao tiền thì bà D thấy giữa bà T và bà L không có viết giấy tờ gì để ghi nhận.

Ngoài ra, bà D có nghe bà L nói là bà T có giữ của bà L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Thị C; trước đây bà Diệu thấy bà L và bà T có đến nhà bà Thị C nhưng bà không biết bà T, bà L đến nhà bà C để làm gì.

[4]. Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án những chứng cứ sau: 01 tờ giấy kẽ ô li (loại giấy vỡ học sinh) có chữ viết tay bằng mực màu xanh, có ghi ngày 03/7/2014, phía dưới có 01 chữ ký ghi tên Lê Thị L.

[5]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:

Bà T và bà L đều thừa nhận hiện nay bà L còn nợ bà T số tiền 10.000.000đ.

[6]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

- Các đương sự không thống nhất về lãi suất đã thỏa thuận và số tiền lãi đã trả, cụ thể: Bà Nguyễn Thị T cho rằng lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng và từ khi vay tài sản đến nay, bà L chỉ trả được cho bà T 1.000.000đ tiền lãi; còn bà Lê Thị L cho rằng lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng và bà L đả trả đầy đủ tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận cho đến cuối năm 2014; năm 2015 bà L không trả tiền lãi; năm 2016 bà L trả lãi được 6.000.000đ; từ năm 2017 cho đến nay bà L không trả lãi cho bà T.

- Các đương sự không thống nhất về việc trả tiền lãi.

[7]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Lê Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị T 10.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện buộc bà Lê Thị L phải trả số tiền vay là 10.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Ngoài ra các đương sự khác không có yêu cầu gì trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015 và Điều 471 BLDS năm 2005. Cho nên, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015.

[2] Về yêu cầu trả nợ vay của nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị T:

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Lê Thị L phải trả cho bà T số tiền nợ vay 10.000.000đ.

Xét thấy: Căn cứ vào giấy mượn tiền ghi ngày 03/7/2014 mà bà T đã cung cấp cũng thể hiện bà L có vay của bà T số tiền là 10.000.000đ. Tại phiên tòa, bà L cũng đã thừa nhận còn nợ bà T 10.000.000đ; đồng thời bà L chấp nhận trả cho bà T số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của bà T về việc trả số tiền vay 10.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên cần được chấp nhận.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị T:

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu bà Lê Thị L phải trả cho bà T tiền lãi phát sinh trên số tiền vay 10.000.000đ tính từ tháng 01/2015 đến nay với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Bà L khai nhận: Từ khi vay tiền cho đến cuối năm 2014 bà L đã trả tiền lãi đầy đủ cho bà T. Trong năm 2015 bà L không trả tiền lãi đối với số tiền 10.000.000đ cho bà T. Đến năm 2016 bà L đã trả được số tiền lãi là 6.000.000đ. Từ năm 2017 cho đến nay, bà L không trả lãi cho bà T. Việc trả tiền lãi của bà L không có giấy tờ gì thể hiện và bà L cũng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh đã trả tiền lãi cho bà T. Bà T cũng không thừa nhận bà L có trả tiền lãi vào năm 2016. Cho nên, lời trình bày của bà L không có căn cứ để chấp nhận.

Tại giấy mượn tiền ngày 03/7/2014 thể hiện các bên đương sự thỏa thuận lãi suất vay là 2%/tháng. Bà T xác nhận từ khi viết giấy vay tiền thì bà L đã trả tiền lãi theo thuận đến tháng 12/2014 là 1.000.000đ. Từ tháng 01/2015 cho đến nay bà L chưa trả cho bà T số tiền lãi nào. Như vậy, yêu cầu của bà T về việc buộc bà L phải trả tiền lãi từ tháng 01/2015 cho đến tháng 5/2018 (40 tháng) là có căn cứ để chấp nhận.

Do các bên có tranh chấp về lãi suất và không thống nhất về mức lãi suất. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T đề nghị xem xét áp dụng mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 476 BLDS. Theo quyết định số: 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, tương đương là 0,75%/tháng.

Như vậy, tiền lãi phát sinh trên số tiền vay 10.000.000đ tính từ tháng 01/2015 đến tháng 5/2018 (40 tháng) được xác định là: 10.000.000đ x 40 tháng x 0,75% x 150% = 4.500.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cần buộc bà Lê Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 14.500.000đ (trong đó, tiền gốc: 10.000.000đ; tiền lãi: 4.500.000đ).

[5] Về án phí: Do yêu cầu của phía nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên cần buộc bị đơn - Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

Buộc bà Lê Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc: 10.000.000đ; tiền lãi 4.500.000đ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi như sau:

+ Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm

- Về án phí:

Buộc bà Lê Thị L phải nộp 725.000đ (Bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí là 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai số N.0012234, ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm công khai; nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án - Ngày 07/5/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự ***(Đã giải thích quyền kháng cáo)***.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.T;
- CC THA DS H.T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Yến